TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-ST
Ngày: 22 – 6 – 2023
V/v HĐ vay tài sản – Hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Nguyên – Ông Nguyễn Văn Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản – hụi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 198/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: số 170, Thoại Ngọc Hầu, khóm 4, phường ML, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 43, đường LTK, phường MB, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 05/4/2021, ông Trần Thái H có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng gồm 25 phần, mỗi phần 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày áp 05/4/2021. Ông H đã hốt hụi ngày 05/9/2021 số tiền 76.600.000đ và ngày 05/11/2021 số tiền 87.750.000đ, bà đã giao đủ tiền hụi cho ông H nhưng ông H chỉ chầu hụi

được 20 kỳ, còn lại 05 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 5.000.000đ x 02 phần x 05 kỳ = 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngày 25/6/2021, ông H có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng gồm 25 phần, mỗi phần 2.000.000đ (hai triệu đồng), ngày áp 25/6/2021. Ông H đã hốt hụi ngày 25/2/2022 số tiền 34.200.000đ và ngày 25/3/2022 số tiền 37.325.000đ, bà đã giao đủ tiền hụi cho ông H nhưng ông H chỉ chầu hụi được 19 kỳ, còn lại 06 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 2.000.000đ x 2 phần x 06 kỳ = 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Ngày 10/11/2021, ông H có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng gồm 26 phần, mỗi phần 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ngày áp 10/11/2021. Ông H đã hốt hụi ngày 10/01/2022 số tiền 30.830.000đ và ngày 10/03/2022 số tiền 33.250.000đ, bà đã giao đủ tiền hụi cho ông H nhưng ông H chỉ chầu hụi được 14 kỳ, còn lại 12 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 2.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ = 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Ngày 01/8/2022, ông H có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng gồm 26 phần, mỗi phần 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ngày áp 01/8/2022. Ông H đã hốt hụi ngày 01/11/2022 số tiền 67.400.000đ và ngày 01/12/2022 số tiền 71.900.000đ, bà đã giao đủ tiền hụi cho ông H nhưng ông H chỉ chầu hụi được 05 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 5.000.000đ x 02 phần x 17 kỳ = 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngày 24/10/2022, ông H có vay của bà T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/tháng. Ông H hẹn hai tháng sau sẽ trả, nhưng đến nay đã hơn 05 tháng ông H vẫn không thực hiện trả nợ.

Trong quá trình vay, ông H có đóng lãi cho bà T 02 tháng theo lãi suất đã thỏa thuận là số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), nhưng từ thời điểm đó đến nay ông H đã ngưng đóng lãi.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thái H phải có nghĩa vụ trả là 342.000.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng) và trả lãi suất đối với tiền vay với mức lãi suất 20%/năm, tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử vụ án.

Tại văn bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 21/6/2023, bà T yêu cầu ông H trả cho bà số tiền hụi là 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng) và tiền vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tính lãi tiền vay theo quy định pháp luật và đồng ý khấu trừ 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi đã nhận.

Án phí dân sự: theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thái H vắng mặt không tham gia phiên họp và không gửi tự khai trình bày ý kiến do đó không ghi nhận được ý kiến của của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện về hợp đồng vay tài sản và hụi đối với ông H có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà T và bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và ông H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông H là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà T khởi kiện ông H về hợp đồng vay tài sản và hụi, yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền hụi là 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng) và tiền vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tiền lãi tiền vay theo quy định pháp luật và đồng ý khấu trừ 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi đã nhận. Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn. Tuy ông trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Đối với yêu cầu về hụi: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp sổ hụi, giấy giao hụi, sổ phụ sao kê chi tiết chuyển khoản của ngân hàng, chứng từ giao dịch ngân hàng, bảng sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng cùng nhiều hình ảnh tin nhắn zalo giữa ông Trần Thái H và bà T. Những tài liệu, chứng cứ này đều phù hợp với lời trình bày của bà T, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 5.000.000đ/tháng, áp hụi ngày 05/4/2021, có 25 phần, trong đó ông Trần Thái H tham gia 02 phần hụi. Theo đó, ông H đã hốt hụi ngày 05/9/2021 số tiền 76.600.000đ (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng) và ngày 05/11/2021 số tiền 87.750.000đ (tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Điều này thể hiện qua sổ hụi, giấy giao hụi và nhiều tin nhắn zalo bà T yêu cầu ông H đóng tiền hụi « 10 trieu hui 5 tay » (các tin nhắn 15 :40 06/09/2022 ; 14 :44 11/12/2022 ; 20 :30 06/10/2022 ; 10 :37 26/12/2022 ; 11 :01 10/01/2023) và có tin nhắn trả lời xác nhận, hứa hẹn của ông H, trong đó có một số tin nhắn ông H gửi tiền cho bà T (các tin nhắn 16 :14 11/12/2022 ; 19 :21 08/10/2022 ; 14 :39 14/01/2023 ; 16 :47 19/10/2022)

Sau khi hốt hụi thì ông H chỉ chầu hụi được 20 kỳ - kỳ ngày 05/12/2022 thì ngưng cho đến nay, ông H còn lại 05 kỳ hụi chưa chầu. Như vậy, số tiền ông

H phải chầu là 5.000.000đ x 02 phần x 05 kỳ = 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

+ Dây hụi 2.000.000đ/tháng, áp hụi ngày 25/6/2021, có 25 phần, trong đó ông H có tham gia 02 phần hụi. Theo đó, ông H đã hốt hụi ngày 25/2/2022 số tiền 34.200.000đ (ba mươi bốn triệu, hai trăm ngàn đồng) và ngày 25/3/2022 số tiền 37.325.000đ (ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Trong đó, số tiền hụi hốt kỳ 25/3/2022, bà T giao hụi cho ông H qua hình thức chuyển khoản vào ngày 29/3/2022 chuyển khoản đến tài khoản 0151000466164 –Trần Thái H - ngân hàng TMCP Ngoại Thương chi nhánh An Giang theo chứng từ giao dịch số 290322.6010.042767. Đồng thời, qua nhiều tin nhắn zalo bà T yêu cầu ông H đóng hụi 4 triệu hụi 25 tây và được sự xác nhận của ông H.

Sau khi hốt hụi, ông H chỉ chầu hụi được 19 kỳ - kỳ ngày 25/12/2022, còn lại 06 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 2.000.000đ x 2 phần x 06 kỳ = 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

+ Dây hụi 2.000.000đ/tháng, áp hụi ngày 10/11/2021, có 26 phần, trong đó ông H có tham gia 02 phần. Ông H đã hốt hụi ngày 10/01/2022 số tiền 30.830.000đ (ba mươi triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng), số tiền này bà T giao hụi qua hình thức chuyển khoản vào ngày 13/01/2022. Ông H hốt hụi ngày 10/03/2022 số tiền 33.250.000đ (ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) bà T giao số tiền hụi này qua chuyển khoản ngày 12/3/2022, thể hiện qua bảng kê chi tiết giao dịch ngân hàng và chứng từ giao dịch số 120322.6011.047953 chuyển khoản đến tài khoản 0151000466164 –Trần Thái H - ngân hàng TMCP Ngoại Thương chi nhánh An Giang. Đồng thời, qua nhiều tin nhắn zalo bà T yêu cầu ông H đóng hụi 4 triệu hụi 10 tây và được sự xác nhận của ông H.

Sau khi hốt hụi, ông H chỉ chầu hụi được 14 kỳ - kỳ 10/12/2022, còn lại 12 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 2.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ = 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

+ Dây hụi 5.000.000đ/tháng, áp hụi ngày 01/8/2022, có 26 phần, trong đó ông H có tham gia 02 phần hụi. Theo đó, ông H đã hốt hụi ngày 01/11/2022 số tiền 67.400.000đ (sáu mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng), bà T chuyển khoản tiền hụi này vào ngày 03/11/2022. Ông H hốt hụi phần còn lại vào ngày 01/12/2022 số tiền 71.900.000đ (bảy mươi mốt triệu, chín trăm ngàn đồng), bà T chuyển khoản tiền hụi vào ngày 01/12/2022 và ngày 02/12/2022. Thể hiện qua sao kê sổ phụ của tài khoản 6700812470707 – Nguyễn Thị T – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và việc chuyển tiền vào tài khoản 0974708612 – Trần Thái H - ngân hàng TMCP Quân Đội. Đồng thời có nhiều tin nhắn trao đổi việc hốt hụi, giao hụi và yêu cầu ông H đóng hụi và tin nhắn xác nhận của ông H.

Sau khi hốt hụi, ông H chỉ chầu hụi được 05 kỳ, còn lại 17 kỳ chưa chầu. Số tiền ông H phải chầu là 5.000.000đ x 02 phần x 17 kỳ = 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà bà T cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định ông H có tham gia vào các dây hụi do bà T làm chủ. Việc giao dịch hợp đồng góp hụi giữa bà T và ông H hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật theo điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên với nhau. Nay ông H vi phạm nghĩa vụ của thành viên, căn cứ vào Điều 16 và Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền hụi: 50.000.000đ + 24.000.000đ + 48.000.000đ + 170.000.000đ = 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng)

[2.4] Về hợp đồng vay tài sản: Bà T cung cấp hình ảnh xác nhận giao dịch chuyển khoản 02 lần và sổ phụ của ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam thể hiện lần 1: số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) ngày 22/10/2022 từ tài khoản 6700812470707 – Nguyễn Thị T – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chuyển sang tài khoản 0974708612 - Trần Thái H - ngân hàng TMCP Quân Đội. Lần 2 : số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) vào ngày 24/10/2022 từ tài khoản 70110000693180 – Hồ Đức Nhân – chồng bà T – ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chuyển sang tài khoản 0974708612 - Trần Thái H - ngân hàng TMCP Quân Đội, và tin nhắn zalo xác nhận việc vay tiền của ông H với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định giữa bà T và ông H có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản, việc giao dịch này tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.5] Bà T trình bày lãi suất thỏa thuận 10%/tháng và có đóng lãi được 02 tháng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tuy theo tin nhắn khi xác lập hợp đồng vay giữa ông H và bà T không có thông tin về thời hạn trả và lãi suất của hợp đồng vay, nhưng trong các tin nhắn sau khi vay thì thể hiện có tính tiền lãi và ông H có đóng lãi cho bà T với lãi suất 10%/tháng do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn, có lãi suất.

[2.6] Theo tin nhắn ngày 05/01/2023 thì ông H ngưng đóng lãi và bà T yêu cầu ông H trả số tiền vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) xem như bà T đã thông báo trước một thời gian hợp lý nhưng ông H vẫn không thực hiện nên bà T có quyền khởi kiện vào ngày 23/3/2023. Cho đến nay ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với hợp đồng vay do đó căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

[2.7] Về tiền lãi: Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận 10%/tháng là vượt quá 20%/năm cần được điều chỉnh, căn cứ vào khoản 4 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tính lãi với mức 20%/năm từ ngày 24/10/2022 cho đến ngày xét xử và có khấu trừ 10.000.000đ tiền lãi ông H đã đóng, cụ thể: 50.000.000đ x 20%/năm x 07 tháng 27 ngày = 6.574.000đ (sáu triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Tổng vốn lãi là: 50.000.000đ + 6.574.000đ = 56.574.000đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Khấu trừ 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi ông H đã đóng, như vậy số tiền vốn vay và lãi ông H phải trả cho bà T là: 56.574.000đ – 10.000.000đ = 46.574.000đ (bốn mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)

[2.8] Như vậy, tổng số tiền ông H có nghĩa vụ trả cho bà T là: 292.000.000đ + 46.574.000đ = 338.574.000đ (ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)

[2.9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận do đó bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T tạm ứng án phí đã nộp. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Thái H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 338.574.000đ (ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), trong đó tiền nợ hụi: 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng) và tiền vốn vay, lãi: 46.574.000đ (bốn mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thái H phải chịu 16.928.700đ (mười sáu triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.550.000đ (tám triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001544 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Thái H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường